

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-PT

Ngày 10-01-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính.

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí.

Ông Chu Long Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 101/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn T; địa chỉ: Số xx, đường V, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Quỳnh T; địa chỉ: Số xx, phố P, khu tái định cư P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, Phó Ban tác huấn thuộc Ban tác huấn - Phòng tham mưu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn; ông Nguyễn Đăng B, Chánh thanh tra thuộc đơn vị Thanh tra quốc phòng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 28-8-2020). Ông Trần Văn T vắng mặt, ông Nguyễn Đăng B có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Bà Đinh Thị G; địa chỉ: Số xx, đường V, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bà Đoàn Thị S, vắng mặt;

3. Anh Hà Minh T, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số xx, phố P, khu tái định cư P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Bà Vi Thị T (đã chết)

Người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Vi Thị T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

5. Anh Nông Thanh B; địa chỉ: Số xx, phố P, Khu tái định cư P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6. Anh Nông Thanh P; địa chỉ: Số xx, đường N, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Chị Nông Tuyết M; địa chỉ: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

8. Bà Nông Thị Ngọc L, vắng mặt;

9. Anh Nguyễn Mạnh T, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số xx, đường Đ, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

10. Chị Nguyễn Thị Khánh L, vắng mặt;

11. Chị Nguyễn Thị Hồng C, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

12. Bà Phùng Thị H, vắng mặt;

13. Ông Nguyễn Quang H, vắng mặt;

14. Ông Nguyễn Huy H, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số xx, đường N, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

15. Ông Lộc Nguyễn K; địa chỉ: Khối xx, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

16. Bà Lê Thị B, vắng mặt;

17. Ông Bé Văn B, vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Số xx, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
18. Bà Hoàng Thị Đ, vắng mặt;
19. Ông Nguyễn Văn H, vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Số nhà xx, khu nhà ở xã hội, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
20. Ông Nông Quang C, vắng mặt;
21. Bà Lôi Thị Y, vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Ngõ xx, đường V, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
22. Ông Nông Thế L, vắng mặt;
23. Bà Triệu Thị H, vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Khu tái định cư xx, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.
24. Ông Nông Văn T, vắng mặt;
25. Bà Đặng Thị X, vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Số xx, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
26. Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, vắng mặt.
27. Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Quang B, cán bộ địa chính (văn bản ủy quyền ngày 27-8-2020), vắng mặt.
28. Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc H, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L (văn bản ủy quyền ngày 22-12-2021), vắng mặt.
29. Ông Hoàng Hải Đ; địa chỉ: Số xx, đường V, khối H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
30. Ông Hoàng Thế K; địa chỉ: Số xx Phai Luông x, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
31. Ông Hoàng Ngọc Q; địa chỉ: Khu K, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Hải Đ, Hoàng Thế K, Hoàng Ngọc Q: Ông Hoàng Văn Đ; địa chỉ: Số xx, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 28-4-2023), vắng mặt.
- *Người kháng cáo:* Ông Hà Văn T là nguyên đơn.

- *Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hà Văn T và ông Hà Quỳnh T là hai anh em trong cùng một gia đình, ông Hà Văn T là em, còn ông Hà Quỳnh T là anh.

Ông Hà Văn T có vợ là bà Đinh Thị G.

Ông Hà Quỳnh T có vợ là bà Đoàn Thị S, anh Hà Minh T là con trai của họ.

Bà Vi Thị T có 03 người con là anh Nông Thanh B, anh Nông Thanh P, chị Nông Tuyết M. Bà Vi Thị T đã chết năm 2023.

Bà Nông Thị Ngọc L có 03 người con là anh Nguyễn Mạnh T, chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị Hồng C.

Ông Nguyễn Đình Q có vợ là bà Phùng Thị H. Anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Huy H là các con trai của họ. Ông Nguyễn Đình Q đã chết năm 2019.

Bà Lê Thị B là vợ của ông Bé Văn B.

Bà Hoàng Thị Đ là vợ của ông Nguyễn Văn H.

Ông Nông Quang C có vợ là bà Lôi Thị Y.

Ông Nông Thế L có vợ là bà Triệu Thị H.

Ông Nông Văn T có vợ là bà Đặng Thị X.

Theo kết quả xem xét thẩm định trích đo ngày 23-3-2023, xác định diện tích đất đo vẽ theo dẫn đạc của các đương sự là 1.991,3m² được ký hiệu từ S₁ đến S₂₁; trong đó có diện tích 5,2m² thuộc S17 là các đương sự không có tranh chấp. Diện tích đất tranh chấp trong vụ án được xác định giữa các bên đương sự là 1986,1m²; trong đó: Diện tích đất thuộc phường C, thành phố L là 1.073,1m² thuộc một phần thửa 3, thửa 4, cùng tờ bản đồ số 84 bản đồ địa chính phường C; diện tích đất thuộc xã Q, thành phố L là 324,8m² thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 59 bản đồ địa chính xã Q. Trên đất có tường rào xây gạch ba banh, tường rào xây gạch chỉ, 01 ngôi mộ đất, 02 ngôi mộ xây, 01 miếu thờ thổ công, có các cây thông, cây keo, cây bạch đàn, cây bơ, cây chuối, cây xoan. Đất tranh chấp có giá trị 1.000.000 đồng/m²; tường rào gạch có giá 787.000 đồng/m² giá trị còn lại 20%; tường rào gạch bê tông có giá 588.000 đồng/m² hết khấu hao; ngôi mộ đất có đơn giá 5.502.000 đồng/mộ, ngôi mộ xây ốp đá có đơn giá 5.080.000 đồng/mộ, miếu thổ công có giá 162.216 đồng; cây trên đất có tổng giá trị là 2.913.000 đồng.

Kết luận giám định tư pháp ngày 28-3-2022 của Giám định viên Hoàng Văn T, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn xác định: Trong diện tích

đất tranh chấp (từ S_1 đến S_{21}) thể hiện tại sơ đồ khu đất tranh chấp, không có diện tích nào thuộc lô d24 (số thứ tự mới 70) mà ông Hà Văn T được giao theo Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 22-8-1993; có 721,8m² đất thuộc lô a27 đến a31 mà Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn được giao theo Quyết định số 214/QĐ-UB ngày 10-7-1994 (gồm S_9 đến S_{15} ; S_{20} ; S_{21}); có 97,5m² đất thuộc quy hoạch sân bay trực thăng (29,8m² thuộc S_1 ; 3,2m² thuộc S_2 ; 64,5m² thuộc S_9) theo Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của UBND thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Hà Văn T xác định ngày 22-8-1993, ông được UBND thị xã L giao quyền quản lý rừng và sử dụng đất trồng rừng đối với diện tích là 1,4 ha thuộc thửa d24 (trong sổ lâm bạ là sổ thửa 70), đất có địa danh là P, thuộc khối Đ, phường C, thành phố L. Trong quá trình sử dụng đất từ năm 1993 đến trước năm 2015, ông trồng cây thông, cây hồi và canh tác trên đó. Đến năm 2015, ông đi làm ăn ở huyện L không trông coi được, khoảng 03 tháng sau, ông trở về thì phát hiện có một số ngôi mộ trên đất. Qua tìm hiểu ông mới biết được đất của ông đã bị ông Hà Quỳnh T là anh trai của ông chuyển nhượng trái phép cho các hộ gia đình. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Công nhận quyền quản lý, sử dụng cho ông đối với phần diện tích đất tranh chấp từ S_1 đến S_{16} và phần diện tích S_{18} , S_{19} , S_{21} .

- Phần diện tích S_{17} và S_{20} ông không tranh chấp.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hà Quỳnh T với bà Vi Thị T, bà Nông Thị Ngọc L, bà Phùng Thị H, bà Lê Thị B, bà Hoàng Thị Đ, ông Lộc Nguyễn K; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lộc Nguyễn K với ông Nông Thế L và ông Nông Văn T; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị B và các ông Hoàng Thế K, Hoàng Hải Đ, Hoàng Ngọc Q. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, ông không có ý kiến.

- Buộc ông Hà Quỳnh T và các gia đình bà Hoàng Thị Đ, bà Vi Thị T, bà Nông Thị Ngọc L, bà Lê Thị B, bà Phùng Thị H, ông Lộc Nguyễn K, ông Nông Văn T và ông Nông Thế L phải di dời các tài sản trên đất là mộ, tường xây ngăn các ô, công trình phụ trợ thờ cúng... để trả lại đất cho ông. Buộc những người trên chấm dứt hành vi tranh chấp.

Bà Đinh Thị G là vợ của ông Hà Văn T, bà nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Bị đơn ông Hà Quỳnh T trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do ông tự khai phá một phần năm 1983 và một phần nhận chuyển nhượng với ông Nông Quang C diện tích khoảng hơn 100m² thuộc số lô 204. Tổng diện tích ông có là khoảng hơn 800m². Quá trình sử dụng đất, ông đã trồng cây keo và thông, đến năm 2003 thì ông khai thác nhựa thông, đối với cây già, chết ông đã khai thác gỗ hết. Đến giữa năm 2011, ông chuyển nhượng đất cho một số gia đình gồm: Bà Vi Thị T, ông Lộc Nguyễn K (sau đó ông Lộc Nguyễn K chuyển

nhượng lại cho ông Nông Văn T và Nông Thế L), bà Nông Thị Ngọc L, bà Lê Thị B (sau đó bà Lê Thị B chuyển nhượng lại cho các ông Hoàng Hải Đ, Hoàng Thế K, Hoàng Ngọc Q), bà Hoàng Thị Đ, ông Nguyễn Đình Q (ông Nguyễn Đình Q đã chết, vợ ông Nguyễn Đình Q là bà Phùng Thị H).

Nay, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đề nghị được quản lý diện tích 23,2m² thuộc một phần S₁ và diện tích 84,2m² thuộc S₈; đối với các phần đất ông đã chuyển nhượng cho các hộ dân, phần nào thuộc ranh giới Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thì ông cũng nhất trí trả lại cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, những phần còn lại thì ông để các hộ dân tiếp tục sử dụng, ông không có yêu cầu gì.

Bà Đoàn Thị S, anh Hà Minh T là vợ và con của bị đơn ông Hà Quỳnh T, đều nhất trí với ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh: Năm 1994, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn được UBND thị xã L giao quản lý, sử dụng 21,1 ha đất rừng tại các lô từ a₂₇ đến a₃₂ tiểu khu 342 thuộc địa phận xã Q (theo Quyết định số 214/UB-QĐ ngày 10-7-1994). Năm 2012, do Ban chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn thực hiện việc cắm mốc không mời cơ quan chuyên môn, nên khi cắm mốc chưa đúng đường ranh giới địa chính, không đúng, đủ với diện tích đất Quốc phòng theo Bản đồ địa chính. Vì vậy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn đề nghị được quản lý sử dụng từ S₉ đến S₁₅, S₂₀, S₂₁. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không có ý kiến. Quá trình giải quyết vụ án, Bộ chỉ huy quân sự xin rút yêu cầu đối với S10.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Bà Nông Thị Ngọc L trình bày: Khoảng năm 2013, bà mua với ông Hà Quỳnh T một mảnh đất đồi diện tích khoảng 150m² tại khu Đ, đường V, phường C, thành phố L. Năm 2019, gia đình bà đặt 01 mộ của người thân. Bà không đồng ý với ý kiến khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn bà hoàn toàn đồng ý, trường hợp đất của bà lấn chiếm đất của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, bà sẽ di dời tài sản để trả lại đất cho quân đội. Trường hợp Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn yêu cầu sở hữu 02 cây chuối trên đất, bà cũng nhất trí và không yêu cầu bồi thường giá trị cây. Về giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, bà không yêu cầu.

Ông Hoàng Hải Đ, Hoàng Thế K, Hoàng Ngọc Q và người đại diện theo ủy quyền của các ông là ông Hoàng Văn Đ trình bày: Trước đây các ông có mua của vợ chồng ông Bé Văn B và bà Lê Thị B một phần đất đồi tại đường V, có diện tích 270m² với giá 100.000.000 đồng. Việc ông Hà Văn T khởi kiện là không đúng, ông không đồng ý. Sau khi được Tòa án mời đến làm việc thì gia đình ông mới biết là phần đất đã nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bà Lê Thị B có một phần thuộc ranh giới đất của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn. Đối với phần đất thuộc ranh giới của quân đội thì gia đình ông nhất trí tháo dỡ hàng gạch nằm trên đất quân đội để trả lại cho quân đội, còn cây thông trên đất nếu Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn yêu cầu được sở hữu thì gia đình ông cũng nhất trí và

không yêu cầu bồi thường giá trị cây. Về giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, ông không yêu cầu.

Bà Lê Thị B, ông Bé Văn B trình bày: Khoảng năm 2014 - 2015, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng diện tích 270m² đất đồi tại đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn với ông Hà Quỳnh T, giá chuyển nhượng tại thời điểm đó là 50.000.000 đồng. Năm 2019, vợ chồng bà chuyển nhượng phần diện tích đất này lại cho các ông Hoàng Thế K, Hoàng Ngọc Q, Hoàng Hải Đ. Về giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, ông bà không có liên quan.

Ông Nông Quang C và vợ là bà Lôi Thị Y trình bày: Năm 2011, gia đình ông có chuyển nhượng cho ông Hà Quỳnh T một diện tích đất khoảng 100m²; diện tích đất mà ông chuyển nhượng liền kề với đất của ông Hà Quỳnh T đã khai phá, sử dụng từ năm 1983 đến khoảng năm 2021 mới xây ra tranh chấp với nguyên đơn. Diện tích đất thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Hà Văn T nằm ở phía bên kia đường hào. Vợ chồng ông không còn đất ở khu vực này nên không có quyền lợi gì liên quan. Về giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, ông bà không có liên quan.

Ông Lộc Nguyễn K trình bày: Tháng 7-2011, ông mua với ông Hà Quỳnh T một mảnh đất đồi diện tích khoảng 186m² tại khu Đ, đường V, phường C, thành phố L, ông đã xây tường bao quanh mảnh đất. Sau đó, do không có nhu cầu sử dụng nên ông đã bán lại cho gia đình ông Nông Văn T và ông Nông Thế L. Ông xác định không có liên quan gì đến phần đất này.

Ông Nông Văn T và ông Nông Thế L trình bày: Năm 2017, hai anh em các ông mua với ông Lộc Nguyễn K một mảnh đất đồi tại khu Đ, đường V, phường C, thành phố L; khi đó mảnh đất đã có tường rào xây và có một số cây keo, thông, bạch đàn, bên cạnh thửa đất đã có cột mốc quân sự. Các ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T. Đối với yêu cầu độc lập của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn thì các ông không có ý kiến gì vì phần đất các ông đã mua không thuộc ranh giới đất của quân đội.

Bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn H trình bày: Năm 2011, vợ chồng bà mua với ông Hà Quỳnh T một mảnh đất đồi tại khu Đ, đường V, phường C, thành phố L. Sau khi mua, gia đình bà đã đặt 01 ngôi mộ xây của người thân trên đất. Ngoài ra bà có xây bức tường ngăn cách giữa phần đất mà bà nhận chuyển nhượng từ ông Hà Quỳnh T và các phần đất xung quanh của những người khác, đối với đoạn bức tường thuộc ranh giới Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn thì bà đã phá đi để trả lại đất cho quân đội. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu do đã thỏa thuận xong.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Vi Thị T là anh Nông Thanh B, Nông Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt theo giấy triệu tập. Phần trình bày của bà Vi Thị T khi còn sống thể hiện: Năm 2011, gia đình bà mua với ông Hà Quỳnh T một mảnh đất đồi tại khu Đ, đường V, phường C, thành phố L. Tháng 3-2012, gia đình bà xây dựng tường bao khuôn viên đất. Tháng 3-2015, các gia đình đã mua đất liền kề góp tiền xây bậc

lên xuống khu đất. Năm 2016, gia đình bà đã xây dựng 01 miếu thổ công, đặt 01 mộ đã sang cát. Năm 2019 đặt 01 mộ chưa sang cát. Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T và yêu cầu độc lập của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn.

Anh Nông Thanh P trình bày: Mẹ anh là bà Vi Thị T chết ngày 29-3-2023, bố anh là ông Nông Đình K đã chết năm 1999. Anh nhất trí với ý kiến của mẹ anh khi còn sống đã trình bày và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Bà Phùng Thị H trình bày: Chồng bà là ông Nguyễn Đình Q, khi còn sống, chồng bà có nhận chuyển nhượng với ông Hà Quỳnh T một phần đất đồi tại P, đường V. Việc chồng bà mua của ông Hà Quỳnh T có giấy viết tay và được UBND phường xác nhận. Ông Hà Văn T khởi kiện là không có căn cứ. Đối với phần đất thuộc ranh giới quân đội thì gia đình bà nhất trí trả lại đất cho quân đội và không có ý kiến, yêu cầu gì với ông Hà Quỳnh T về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Anh Nguyễn Quang H và anh Nguyễn Huy H là các con của bà Phùng Thị H thống nhất với ý kiến của bà Phùng Thị H.

Ủy ban nhân dân xã Q, Ủy ban nhân dân phường C đều đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Trong vụ án trên có một phần diện tích đất tranh chấp là thuộc phần đất thu hồi để thực hiện dự án sân bay trực thăng xã Q theo Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của UBND thành phố L. Như vậy, việc các đương sự sử dụng diện tích đất trên làm nghĩa trang là không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng

Ông Liễu Đức T (Liễu Đức H) trình bày: Ông là khối trưởng khối Đ, phường C, thành phố L từ năm 2009 đến năm 2019. Trước khi làm Khối trưởng khối Đ, ông đã quen biết gia đình các ông Hà Quỳnh T, ông Nông Quang C và ông Hà Văn T vì cùng làng với nhau. Quá trình sinh sống, ông thấy ông Hà Quỳnh T đã sử dụng đất đồi đường V từ trước năm 1993, ranh giới cụ thể ông không nắm rõ. Ông được đại diện khối tham gia chứng kiến việc đo đạc cắm mốc đất quân sự vào năm 2012, khi đó ông được biết đất của ông Hà Quỳnh T và ông Hà Văn T cách nhau bởi đường hào giao thông, phần đất của ông Hà Văn T là từ chân đồi lên đến hào giao thông còn phần đất của ông Hà Quỳnh T là bên này hào giao thông lên đỉnh đồi giáp với đất quân đội; đất của ông Nông Quang C ở vị trí phía trên đỉnh đồi, gần lối lên xuống, tiếp giáp với đất ông Hà Quỳnh T.

Ông Hà Văn T trình bày: Ông là em ruột của ông Hà Quỳnh T và Hà Văn T. Thời gian trước đây, khoảng sau năm 1980, ông Hà Quỳnh T đã lập gia đình ra ở riêng, khi đó ông còn là thanh thiếu niên sống với bố mẹ, có một thời gian đi hái củi trên đồi đường V ông được thấy ông Hà Quỳnh T sử dụng phần

đất hiện nay đang tranh chấp. Năm 1993, ông Hà Văn T được Nhà nước giao đất rừng, ông không rõ trên giấy tờ giao đất ghi là lô thửa nào thuộc địa danh gì nhưng theo ông được biết thực tế là phần đất tiếp giáp phần đất hiện đang tranh chấp, từ bên kia hào xuống đến chân đồi đường Đ. Sau khi được giao đất ông Hà Văn T phải đi chấp hành án phạt tù từ cuối năm 1993 đến khoảng năm 2000 mới ra tù. Khoảng năm 2009, Cơ quan chuyên môn đo đạc đất rừng ở khu vực hiện nay có tranh chấp ông cũng lên xem và thấy có cả ông Hà Văn T, ông Hà Quỳnh T, ông Nông Quang C tham gia, nhưng không thấy có tranh chấp gì. Khoảng 05 năm trở lại đây ông mới thấy ông Hà Văn T tranh chấp đất với ông Hà Quỳnh T.

Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn thụ lý sơ thẩm lần một vào ngày 15-5-2020. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 24-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T; chấp nhận yêu cầu độc lập của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, buộc bà Hoàng Thị Đ trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn 28,3m² đất và tháo dỡ di dời tài sản diện tích trên đất nói trên; ngoài ra Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn còn được quyền quản lý sử dụng 438,1m². Ngoài ra Bản án còn công nhận quyền quản lý sử dụng đất của ông Hà Quỳnh T và các hộ gia đình đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Hà Quỳnh T; buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 14/2021/DS-PT ngày 03-02-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 24-9-2020 và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ vì: Chưa chồng ghép Bản đồ để xác định ranh giới mốc giới thửa đất, loại đất tranh chấp; việc giao cho các hộ gia đình được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa 226 tờ bản đồ số 02 bản đồ lâm nghiệp xã Q do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn đứng tên chủ sử dụng đất là không đúng đối tượng sử dụng đất và vượt quá yêu cầu khởi kiện do những người này không có yêu cầu độc lập.

Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn thụ lý sơ thẩm lần hai vào ngày 15-3-2021. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 06-4-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Công nhận sự thỏa thuận của ông Hà Văn T và ông Hà Quỳnh T, ông Hà Văn T được quyền quản lý sử dụng S8; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T; ông Hà Quỳnh T được quyền quản lý sử dụng diện tích từ S1 đến S7 và sở hữu các tài sản trên đất; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn được quyền quản lý sử dụng S9 đến S14, S21, S15, S20. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Hà Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 27/2022/DS-PT ngày 15-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 06-4-2022 và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ và chi phí tố tụng.

Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn thụ lý sơ thẩm lần ba vào ngày 08-11-2022. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn về việc buộc bà Hoàng Thị Đ phải trả lại diện tích $S_{10} = 33,3m^2$, thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 59, bản đồ địa chính xã Q thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và tháo dỡ tường gạch bê tông cạnh T_2W dài 7,33m và cạnh WV_1 dài 9,08m trên diện tích đất $33,3m^2$ nêu trên.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, ông Hà Quỳnh T, bà Hoàng Thị Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần diện tích đất nêu trên theo quy định.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn T về việc công nhận quyền quản lý, sử dụng cho ông Hà Văn T đối với **1.958,3m²** gồm các phần diện tích từ S_1 đến S_{16} và phần diện tích S_{18} , S_{19} , S_{21} thuộc một phần thửa số 4 tờ 74, thửa số 3 tờ 84 bản đồ địa chính phường C và thuộc một phần thửa số 24 tờ 59 bản đồ địa chính xã Q thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông ông Hà Quỳnh T với bà Vi Thị T, bà Nông Thị Ngọc L, bà Phùng Thị H, bà Lê Thị B, bà Hoàng Thị Đ, ông Lộc Nguyễn K; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lộc Nguyễn K với ông Nông Thế L và ông Nông Văn T; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị B và các ông Hoàng Thế K, Hoàng Hải Đ, Hoàng Ngọc Q; buộc ông Hà Quỳnh T và các gia đình bà Hoàng Thị Đ, bà Vi Thị T, bà Nông Thị Ngọc L, bà Lê Thị B, bà Phùng Thị H, ông Lộc Nguyễn K, ông Nông Văn T và ông Nông Thế L phải di dời các tài sản trên đất để trả lại đất cho ông Hà Văn T; buộc ông Hà Quỳnh T và các gia đình bà Hoàng Thị Đ, bà Vi Thị T, bà Nông Thị Ngọc L, bà Lê Thị B, bà Phùng Thị H, ông Lộc Nguyễn K, ông Nông Văn T, ông Nông Thế L, Hoàng Thế K, Hoàng Hải Đ, Hoàng Ngọc Q chấm dứt hành vi tranh chấp.

Buộc ông Hà Văn T chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất và các tài sản trên các phần diện tích đất nêu trên.

3. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn có quyền sử dụng diện tích đất $688,5m^2$ thuộc một phần thửa 24 tờ số 59

bản đồ địa chính xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, gồm 369,2m² (ký hiệu S₂₁); 27,8m² (ký hiệu S₂₀); 291,5m² (ký hiệu S₉, S₁₁ đến S₁₅) và được sở hữu các tài sản gồm: 01 cây thông trên S₉; 02 cây chuối trên S₁₂; 02 cây thông trên S₁₃; 01 cây thông trên S₂₀.

3.1. Ông Hà Quỳnh T phải trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn diện tích S₉ = 86m², S₁₅ = 6,5m², S₂₀ = 27,8m².

3.2. Anh Nông Thanh B, anh Nông Thanh P, chị Nông Tuyết M phải có nghĩa vụ tháo dỡ tường gạch bê tông cạnh RZ dài 2,46m nằm trên phần diện tích đất S₁₁ = 0,9m² và trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn diện tích đất nêu trên.

3.3. Bà Nông Thị Ngọc L có nghĩa vụ tháo dỡ hàng gạch bê tông cạnh QS dài 2,98m nằm trên phần diện tích đất S₁₂ = 78,9m² và trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn diện tích đất nêu trên.

3.4. Ông Hoàng Hải Đ, Hoàng Thế K, Hoàng Ngọc Q có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tường gạch chỉ cạnh PG₁ dài 3,59m và NO dài 1,52m nằm trên phần diện tích S₁₃ = 106,9m² và trả lại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn diện tích đất nêu trên.

3.5. Bà Phùng Thị H, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Huy H có nghĩa vụ trả lại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn phần diện tích S₁₄ = 12,3m².

4. Ông Hà Quỳnh T được quyền sử dụng đất diện tích 23,2m² thuộc một phần S₁ có các đỉnh BCC1DUU1V và 84,2m² thuộc S₈ có các đỉnh MJJ1J2LM1, thuộc một phần thửa số 3 và một phần thửa số 4 tờ 74 bản đồ địa chính phường C, thành phố L và sở hữu tài sản trên đất gồm 01 cây thông đường kính 30cm (nằm trên phần diện tích đất S₈).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn ông Hà Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VKS-DS ngày 04-8-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 06-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do có sai sót trong việc xác định diện tích đất tranh chấp và chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hà Văn T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, ông đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Bị đơn ông Hà Quỳnh T giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại các phiên tòa, ông đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và phiên tòa. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn tự nguyện chịu số tiền chi phí đo đạc là 6.000.000 đồng và không yêu cầu các đương sự phải trả lại cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VKS-DS ngày 04/8/2023 đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; có đương sự vắng mặt nhưng người được ủy quyền có mặt hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng diện tích đất tranh chấp hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Thửa 3 tờ bản đồ 84 và thửa 4 tờ bản đồ 74 bản đồ địa chính phường C trên sổ địa chính ghi tên chủ sử dụng là UBND phường C nhưng qua xác minh thực tế không có quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền giao diện tích đất trên cho UBND phường C quản lý, thực tế diện tích đất các thửa trên do các hộ dân sử dụng; thửa 24 tờ bản đồ 59 bản đồ địa chính xã Q trên Sổ địa chính ghi “Rừng phòng hộ”, trên bản đồ địa chính xã Q ghi “Đồi quân đội”. Năm 1994 Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn được giao quản lý theo Quyết định số 214/UB-QĐ ngày 10/7/1994 của UBND thị xã nay là thành phố L.

Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn ông Hà Văn T cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc do ông được UBND thị xã L giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, diện tích 1,4ha thuộc lô d24 theo Quyết định số 22/UB-QĐ ngày 22/8/1993. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định tư pháp ngày 28/3/2022 đã kết luận: Trong diện tích đất tranh chấp (từ S₁ đến S₂₁) thể hiện tại sơ đồ khu đất tranh chấp, không có diện tích nào thuộc lô d24 (số thứ tự mới 70) mà ông Hà Văn T được giao; có 721,8m² đất thuộc lô a27 đến a31 mà Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn được giao theo Quyết định số 214/QĐ-UB ngày 10-7-1994; có 97,5m² đất thuộc quy hoạch sân bay trực thăng. Đồng thời hồ sơ giao đất cho ông Hà Văn T năm 1993 thể hiện lô đất d24 ông Hà Văn T được giao ở phường C, không phải ở xã Q, không tiếp giáp với đường địa giới hành chính giữa phường C và xã Q. Bị đơn ông Hà Quỳnh T cho rằng đất tranh chấp do ông khai phá từ năm 1983 và mua một phần với ông Nông Quang C. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn cho rằng đất tranh chấp đã được Nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng từ năm 1994 và cung cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994.

Về quá trình quản lý sử dụng: Ông Hà Văn T cho rằng từ năm 1993 đến trước năm 2015 ông trồng cây thông, cây hồi và canh tác trên đất nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh, ông Hà Văn T cũng thừa nhận trên đất tranh chấp không có công trình hoặc cây trồng nào của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Văn T cũng thừa nhận ông không có cây trồng hoặc vật kiến trúc nào trên đất tranh chấp, ông có trồng thông, trồng hồi nhưng ở vị trí khác, không phải khu vực đất tranh chấp.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định trên đất có một số các cây Keo, cây Thông đường kính từ 10cm đến 30cm là các cây đã trưởng thành, có thể khai thác, phù hợp với lời khai ông Hà Quỳnh T về việc ông Hà Quỳnh T trồng cây keo, cây thông từ năm 1983, đến năm 2003 đã khai thác nhựa, các cây còn lại ông Hà Quỳnh T đã khai thác lấy gỗ. Việc ông Hà Quỳnh T có quá trình quản lý sử dụng từ năm 1983 đến năm 2016 không có tranh chấp phù hợp với lời khai của ông Nông Quang C và những người làm chứng là ông Liễu Đức T, ông Hà Văn T. Mặt khác, từ năm 2013 ông Hà Quỳnh T đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng cho các hộ dân khác và được các hộ dân thuê phát quang, xây hàng gạch thành ranh giới giữa các ô đất nhưng ông Hà Văn T không có ý kiến gì, việc tranh chấp chỉ phát sinh từ năm 2016, đến năm 2020 ông Hà Văn T mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình các hộ dân tiến hành xây dựng các khu mộ trên đất, xây bậc lên xuống khu đất không có tranh chấp. Như vậy, ông Hà Văn T không có giấy tờ về đất, không có quá trình quản lý, sử dụng đất nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi được sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất của ông Hà Văn T là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn T về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp, yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan di dời tài sản trên đất tranh chấp.

Các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hà Quỳnh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên vi phạm về điều kiện chuyển nhượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai 2003 và điểm a khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai 2013 (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nhưng hợp đồng chuyển nhượng đã được thực hiện xong, các hộ gia đình đã xây dựng các công trình, đặt mộ trên đất, giữa ông Hà Quỳnh T và những người nhận chuyển nhượng không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu hủy các Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Hà Quỳnh T và những người liên quan.

Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Cấp sơ thẩm xác định thiếu diện tích tranh chấp S10; đối với diện tích thuộc S1 và S8 Bản án sơ thẩm không nêu trong phần nhận định nhưng phần quyết định lại tuyên cho ông Hà Quỳnh T được sử dụng là không phù hợp; đối với phần diện tích S₁ là 53m², trong đó có 29,8m² nằm trong ranh giới sân bay trực thăng, Bản án sơ thẩm nhận định không xử lý đối với diện tích 29,8m²; còn lại diện tích 23,2m² thuộc S₁ chưa xác định được đỉnh điểm cụ thể, nhưng tại

mục 4 phần Quyết định của Bản án sơ thẩm xác định diện tích 23,2m² thuộc một phần S₁ có các đỉnh BCC1DUU1V là không chính xác, đồng thời một số đỉnh lại trùng với phần diện tích 29,8m², gây khó khăn cho công tác thi hành án. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, Bản án sơ thẩm không tính trên tổng diện tích đất đo đạc 1.991,3m² mà tính trên diện tích 1.958,3m² là không chính xác và phải xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng tương ứng với diện tích đất mà đương sự có nghĩa vụ hoàn trả cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh. Bản án sơ thẩm nêu có Sơ đồ khu đất tranh chấp và Bảng kê do Công ty TNHH MTV Tư vấn dịch vụ môi trường Lạng Sơn đo vẽ và lập kèm theo, nhưng Bản án sơ thẩm chỉ kèm theo Sơ đồ khu đất tranh chấp không có diện tích, không có đỉnh điểm cụ thể, không có số thửa đất, số tờ bản đồ của các diện tích đất tranh chấp và không kèm theo Bảng kê diện tích tranh chấp là không đầy đủ, khó khăn cho công tác thi hành án. Do đó, Kháng nghị của Viện trưởng Viện KSND tỉnh Lạng Sơn đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn đã tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng và không yêu cầu các đương sự có nghĩa vụ hoàn trả cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn ông Hà Văn T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo các nội dung phân tích nêu trên.

Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng của các đương sự trong đó ghi nhận sự tự nguyện của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn về việc tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của các đương sự theo quy định của pháp luật; Do sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn ông Hà Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng đã được triệu tập hợp lệ, đương sự vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Hà Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, thấy rằng:

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Hà Văn T xác định diện tích đất tranh chấp $1.991,3\text{m}^2$ được ký hiệu từ S_1 đến S_{21} ; tuy nhiên, sau khi đã có kết quả đo đạc cụ thể, nguyên đơn xác định đối với diện tích đất $5,2\text{m}^2$ thuộc S_{17} và diện tích $27,8\text{m}^2$ thuộc S_{20} , nguyên đơn không có tranh chấp. Nay, diện tích đất tranh chấp được nguyên đơn xác định lại là diện tích $1986,1\text{m}^2$ (bao gồm S_1 đến S_{16} , S_{18} , S_{19} , S_{21}).

[4] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Nguyên đơn ông Hà Văn T cho rằng diện tích đất tranh chấp thuộc thửa d24 (trong sổ lâm bạ là thửa 70) có diện tích 1,4ha, địa danh tại P, thuộc khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND thị xã L, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý rừng và sử dụng đất trồng rừng theo Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 22-8-1993. Theo hồ sơ giao đất cho ông Hà Văn T năm 1993 thể hiện, vị trí đất ông Hà Văn T được giao là ở phường C, không tiếp giáp với đường địa giới hành chính giữa phường C và xã Q. Tuy nhiên, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc lại thể hiện diện tích đất tranh chấp nằm trên địa phận của phường C và xã Q. Như vậy, điều này cũng phù hợp với Kết luận giám định tư pháp ngày 28-3-2022 của Giám định viên Hoàng Văn T khẳng định diện tích đất tranh chấp (từ S_1 đến S_{21}) thể hiện tại sơ đồ khu đất tranh chấp, không có diện tích nào thuộc lô d24 (số thứ tự mới 70) mà ông Hà Văn T đã được cấp.

[5] Theo Hồ sơ giao quyền quản lý rừng và sử dụng đất trồng rừng, diện tích đất tranh chấp có một phần diện tích $721,8\text{m}^2$ thuộc lô a27 đến a31 (khoảnh 1, tiểu khu 342) đã được UBND thị xã L cấp cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 214/QĐ-UB ngày 10-7-1994 (gồm S_9 đến S_{15} ; S_{20} ; S_{21}).

[6] Theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 xác định diện tích đất tranh chấp có: Diện tích $1264,3\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 03, số 04, tờ bản đồ số 74 bản đồ địa chính phường C (bao gồm S_1 đến S_8 , S_{16} đến S_{19}); diện tích $721,8\text{m}^2$ thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 59 của xã Q, thành phố Lạng Sơn, là đất rừng phòng hộ (bao gồm S_9 đến S_{15} , S_{20} , S_{21}); diện tích $97,5\text{m}^2$ đất được quy hoạch sân bay trực thăng xã Q theo Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của UBND thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (bao gồm S_1 , S_2 , S_9).

[7] Căn cứ biên bản xác minh tại UBND phường C xác định đối với diện tích đất thuộc thửa số 03, 04 tờ bản đồ số 74 bản đồ địa chính phường C thì tên chủ sử dụng đất là UBND phường C nhưng thực tế không có quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền giao diện tích đất trên cho UBND phường C quản lý. Thực tế diện tích đất trên do các hộ dân sử dụng tuy nhiên nguyên đơn cũng không xuất trình được căn cứ chứng minh là mình quản lý sử dụng. Như vậy, đối với diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn ông Hà Văn T yêu cầu, ông Hà Văn T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có tên trong Sổ mục kê đất đai, Sổ địa chính, Sổ theo dõi biến động đất đai theo quy định của pháp luật đất đai, căn cứ mà nguyên đơn đưa ra về nguồn gốc đất là không có cơ sở để chấp nhận. Có căn cứ để xác định về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp gồm S_9 đến S_{15} ; S_{20} ; S_{21} là của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

[8] Xét quá trình, quản lý sử dụng đất: Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn ông Hà Văn T xác định ông có trồng trồng, hồi trên đất từ năm 1993 đến năm 2014. Năm 2015, ông đi làm ăn ở huyện L không trồng coi được nữa. Lời trình bày về việc trồng cây trên đất của nguyên đơn là không có căn cứ bởi trong khoảng thời gian từ cuối năm 1993 đến khoảng năm 2000, ông Hà Văn T không có mặt tại địa phương nên không thể có quá trình trồng cây, canh tác trên đất. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cho rằng mình có trồng thông, hồi nhưng không phải trên diện tích đất tranh chấp mà trồng ở khu vực khác và nguyên đơn cũng không đưa ra được các căn cứ chứng minh nào khác về quá trình quản lý sử dụng đất.

[9] Bị đơn ông Hà Quỳnh T thường xuyên quản lý diện tích đất tranh chấp, từ năm 1983 đến năm 2003 trồng keo, trồng thông sau đó khai thác nhựa thông, đôi với cây già, chết ông đã khai thác gỗ hết. Xét thấy, lời khai của bị đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nông Quang C, ông Liễu Đức T, ông Hà Văn T. Ông Nông Quang C là người có đất gần diện tích đất tranh chấp, trước đây ông được đại diện khối tham gia chứng kiến việc đo đạc cắm mốc đất quân sự vào năm 2012, khi đó ông được biết đất của ông Hà Quỳnh T và ông Hà Văn T cách nhau bởi đường hào giao thông, phần đất của ông Hà Văn T là từ chân đồi lên đến hào giao thông còn phần đất của ông Hà Quỳnh T là bên này hào giao thông lên đỉnh đồi giáp với đất quân đội. Ông Liễu Đức T là khối trưởng khối Đ, phường C, thành phố L từ năm 2009 đến năm 2019. Trước khi làm Khối trưởng khối Đ ông đã quen biết gia đình các ông Hà Quỳnh T, ông Nông Quang C và ông Hà Văn T vì cùng làng với nhau. Quá trình sinh sống, ông thấy ông Hà Quỳnh T đã sử dụng đất đồi đường V từ trước năm 1993, ranh giới cụ thể ông không nắm rõ. Còn ông Hà Văn T là em ruột của ông Hà Quỳnh T và Hà Văn T cho biết ông được nhìn thấy ông Hà Quỳnh T sử dụng phần đất hiện nay đang tranh chấp. Thấy rằng, ông Hà Quỳnh T là người quản lý thường xuyên, liên tục đối với diện tích đất tranh chấp từ năm 1983 đến năm 2015. Trong khoảng thời gian này, ông Hà Văn T không tranh chấp, không quản lý hay có tác động trên đất. Đến năm 2016, ông Hà Văn T mới yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp đất đai đối với diện tích đất trên.

[10] Giữa năm 2011, bị đơn ông Hà Quỳnh T chuyển nhượng đất cho một số gia đình gồm: Bà Vi Thị T, ông Lộc Nguyễn K (sau đó ông Lộc Nguyễn K chuyển nhượng lại cho ông Nông Văn T và Nông Thế L), bà Nông Thị Ngọc L, bà Lê Thị B (sau đó bà Lê Thị B chuyển nhượng lại cho các ông Hoàng Hải Đ, Hoàng Thế K, Hoàng Ngọc Q), bà Hoàng Thị Đ, ông Nguyễn Đình Q. Xét thấy, bị đơn ông Hà Quỳnh T đã có quá trình sử dụng đất ổn định, thường xuyên, liên tục, không có tranh chấp với ai. Khi ông chuyển nhượng đất cho các hộ gia đình trên, cũng không ai có ý kiến hay đến tranh chấp. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là vi phạm điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai 2003 và điểm a khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai 2013 (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tuy nhiên, giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng, các bên đều khẳng định việc mua bán là hoàn toàn tự nguyện,

không có ai ép buộc nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đất sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện.

[11] Từ những phân tích, đánh giá trên có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp gồm S9 đến S15; S20; S21 thuộc quyền quản lý sử dụng của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn. Đối với diện tích đất tranh chấp còn lại gồm S1 đến S8, S18, S19 không thuộc quyền quản lý của nguyên đơn, cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[12] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền các đương sự đã nộp là 48.400.000 đồng, trong đó ông Hà Văn T đã tạm ứng số tiền 42.400.000 đồng; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn đã tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng. Các đương sự phải chịu tiền chi phí tố tụng đối với yêu cầu không được chấp nhận, phải chịu chi phí tố tụng đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận, đương sự phải chịu tiền chi phí tố tụng đối với yêu cầu của mình đã rút. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng. Do đó các đương sự phải chịu tiền chi phí tố tụng như sau: Nguyên đơn ông Hà Văn T phải chịu số tiền 42.400.000 đồng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn phải chịu số tiền 6.000.000 đồng. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa.

[13] Về việc Bản án sơ thẩm tuyên ông Hà Quỳnh T được quyền sử dụng 23,2m² thuộc S1 và sở hữu tài sản trên đất nhưng phần diện tích này không được nêu trong phần nhận định mà lại tuyên ở phần quyết định là không phù hợp và đối với diện tích này cũng chưa xác định được đỉnh điểm cụ thể. Tuy nhiên, trong vụ án này bị đơn ông Hà Quỳnh T không có yêu cầu phản tố nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn đối với diện tích thuộc S1 là không đúng nên cần sửa lại cách tuyên cho chính xác.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hà Văn T, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 06-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản

1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 158, 164, 166, 257 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn về việc buộc bà Hoàng Thị Đ phải trả lại diện tích $S_{10} = 33,3m^2$, thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 59, bản đồ địa chính xã Q thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có vị trí đỉnh thửa là V1-T2-W theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Công ty TNHH MTV Tư vấn dịch vụ môi trường Lạng Sơn đo vẽ ngày 23-3-2023 và tháo dỡ tường gạch bê tông cạnh T_2W dài 7,33m và cạnh WV_1 dài 9,08m trên diện tích đất $33,3m^2$ nêu trên.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, ông Hà Quỳnh T, bà Hoàng Thị Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần diện tích đất nêu trên theo quy định.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn T về việc công nhận quyền quản lý, sử dụng cho ông Hà Văn T đối với $1.958,3m^2$ gồm các phần diện tích từ S_1 đến S_{16} và phần diện tích S_{18} , S_{19} , S_{21} thuộc một phần thửa số 4 tờ 74, thửa số 3 tờ 84 bản đồ địa chính phường C và thuộc một phần thửa số 24 tờ 59 bản đồ địa chính xã Q thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Công ty TNHH MTV Tư vấn dịch vụ môi trường Lạng Sơn đo vẽ ngày 23-3-2023; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hà Quỳnh T với bà Vi Thị T, bà Nông Thị Ngọc L, bà Phùng Thị H, bà Lê Thị B, bà Hoàng Thị Đ, ông Lộc Nguyễn K; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lộc Nguyễn K với ông Nông Thế L và ông Nông Văn T; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị B và các ông Hoàng Thế K, Hoàng Hải Đ, Hoàng Ngọc Q; buộc ông Hà Quỳnh T và các gia đình bà Hoàng Thị Đ, bà Vi Thị T, bà Nông Thị Ngọc L, bà Lê Thị B, bà Phùng Thị H, ông Lộc Nguyễn K, ông Nông Văn T và ông Nông Thế L phải di dời các tài sản trên đất để trả lại đất cho ông Hà Văn T; buộc ông Hà Quỳnh T và các gia đình bà Hoàng Thị Đ, bà Vi Thị T, bà Nông Thị Ngọc L, bà Lê Thị B, bà Phùng Thị H, ông Lộc Nguyễn K, ông Nông Văn T, ông Nông Thế L, Hoàng Thế K, Hoàng Hải Đ, Hoàng Ngọc Q chấm dứt hành vi tranh chấp.

Buộc ông Hà Văn T chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất và các tài sản trên các phần diện tích đất nêu trên.

3. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn có quyền sử dụng diện tích đất $688,5m^2$ thuộc một phần thửa 24 tờ số 59

bản đồ địa chính xã Q thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, gồm:

- Diện tích $369,2m^2$ (ký hiệu S_{21} có vị trí đỉnh thừa là O4-O5-L1-L2-L3-L4-L5-Y6-Y5-Y4-Y3-Y2-Y1-Y-X2-X-W-T2-T3-Z1-Z-R-Q-P1-P-RG93-N);

- Diện tích $27,8m^2$ (ký hiệu S_{20} có vị trí đỉnh thừa là K-K1-K2-J2);

- Diện tích $291,5m^2$ (ký hiệu S_9, S_{11} đến S_{15} ; trong đó: S_9 có vị trí đỉnh thừa là A-B-B1-V1-W-X-X1; S_{11} có vị trí đỉnh thừa là R-S-Z; S_{12} có vị trí đỉnh thừa là S-S1-G1-P-P1-Q-R; S_{13} có vị trí đỉnh thừa là G1-O2-O1-O-N-RG93-P; S_{14} có vị trí đỉnh thừa là O, O3, O4, N; S_{15} có vị trí đỉnh thừa là J1, J2, K).

Theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Công ty TNHH MTV Tư vấn dịch vụ môi trường Lạng Sơn đo vẽ ngày 23-3-2023 và được sở hữu các tài sản gồm: 01 cây thông đường kính từ 20cm đến 30cm trên diện tích ký hiệu S_9 ; 02 cây chuối chưa có quả trên phần diện tích đất ký hiệu S_{12} ; 02 cây thông đường kính từ 20cm đến 30cm trên diện tích đất ký hiệu S_{13} ; 01 cây thông đường kính lớn hơn 30cm trên diện tích đất ký hiệu S_{20} .

3.1. Ông Hà Quỳnh T phải trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn diện tích $S_9 = 86m^2, S_{15} = 6,5m^2, S_{20} = 27,8m^2$.

3.2. Anh Nông Thanh B, anh Nông Thanh P, chị Nông Tuyết M phải có nghĩa vụ tháo dỡ tường gạch bê tông cạnh RZ dài 2,46m nằm trên phần diện tích đất $S_{11} = 0,9m^2$ và trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn diện tích đất nêu trên.

3.3. Bà Nông Thị Ngọc L có nghĩa vụ tháo dỡ hàng gạch bê tông cạnh QS dài 2,98m nằm trên phần diện tích đất $S_{12} = 78,9m^2$ và trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn diện tích đất nêu trên.

3.4. Ông Hoàng Hải Đ, Hoàng Thế K, Hoàng Ngọc Q có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tường gạch chỉ cạnh PG_1 dài 3,59m và NO dài 1,52m nằm trên phần diện tích $S_{13} = 106,9m^2$ và trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn diện tích đất nêu trên.

3.5. Bà Phùng Thị H, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Huy H có nghĩa vụ trả lại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn phần diện tích $S_{14} = 12,3m^2$.

4. Về chi phí tố tụng

4.1. Ông Hà Văn T phải chịu 42.400.000đ (bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng. Xác nhận ông Hà Văn T đã nộp đủ số tiền trên.

4.2. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn phải chịu 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Xác nhận Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã nộp đủ số tiền trên.

5. Về án phí sơ thẩm

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hà Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 33.000.000đ (ba

mười ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002226 ngày 12-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, hoàn trả lại ông Hà Văn T số tiền 32.700.000đ (ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ông Hà Quỳnh T và bà Nông Thị Ngọc L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nông Thanh B, Nông Thanh P, chị Nông Tuyết M cùng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ông Hoàng Thế K, Hoàng Hải Đ, Hoàng Ngọc Q cùng phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bà Phùng Thị H, anh Nguyễn Huy H, Nguyễn Quang H cùng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí phúc thẩm

Ông Hà Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại ông Hà Văn T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000048 ngày 03-8-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CCTHADS thành phố Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Đức Chính